UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Điều dưỡng

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học — Chuyên ngành: Điều dưỡng trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Điều dưỡng trung cấp 21A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.01.14.001	Đỗ Thị Phương	Anh	29/10/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	8.2	7.0			5.5			7.5			6.7	6.7	Trung bình khá
2	21.01.14.002	Phạm Phùng Ngọc	Anh	06/09/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.3	0.0	8.0			7.0			8.0			7.7	7.5	Khá
3	21.01.14.004	Nguyễn Tuấn	Bảo	21/06/1992	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.3	10.2	5.0			6.5			8.5			6.7	7.0	Khá
4	21.01.14.008	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	29/01/1996	Châu Thành, Tiền Giang	7.2	0.0	6.5			7.0			7.0			6.8	7.0	Khá
5	21.01.14.010	Trần Thị Kim	Hằng	07/05/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.8	3.4	6.5			6.5			8.0			7.0	6.9	Trung bình khá
6	21.01.14.013	Phạm Thị Ngọc	Huyền	01/03/1996	Châu Thành, Tiền Giang	7.1	0.0	7.5			6.5			7.5			7.2	7.2	Khá
7	21.01.14.014	Phạm Thị Thanh	Lan	30/10/1989	Châu Thành, Tiền Giang	7.2	4.5	6.0			6.5			7.0			6.5	6.9	Trung bình khá
8	21.01.14.016	Phạm Minh	Luân	12/06/1992	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	6.8	6.0			6.0			8.0			6.7	6.8	Trung bình khá
9	21.01.14.017	Dương Thị Xuân	Mai	26/01/1994	Chợ lách, Tiền Giang	6.1	23.9	3.0	5.0		6.0			7.5			6.2	6.2	Trung bình khá
10	21.01.14.019	Tống Thị Bích	Ngọc	09/02/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	3.4	5.5			6.0			6.0			5.8	6.2	Trung bình khá
11	21.01.14.022	Nguyễn Mị	Nương	26/08/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	9.1	6.0			5.0			7.5			6.2	6.5	Trung bình khá
12	21.01.14.024	Trương Nguyễn Phương	Quỳnh	16/02/1996	Gò Công, Tiền Giang	7.0	10.2	8.0			5.5			6.0			6.5	6.8	Trung bình khá
13	21.01.14.026	Nguyễn Mai	Thảo	10/03/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	12.5	5.5			5.0			7.5			6.0	6.4	Trung bình khá
14	21.01.14.031	Trần Thị Kim	Thúy	20/12/1995	Gò Công, Tiền Giang	6.8	5.7	5.0			5.0			7.5			5.8	6.3	Trung bình khá
15	21.01.14.033	Huỳnh Thị Kiều	Tiên	05/06/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	12.5	5.0			5.5			6.5			5.7	6.3	Trung bình khá
16	21.01.14.034	Nguyễn Việt Minh	Tiến	07/02/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	6.8	3.0	7.0		5.0			7.5			6.5	6.7	Trung bình khá
17	21.01.14.035	Hồ Thị Mỹ	Trinh	21/12/1995	Giồng Trôm, Bến Tre	7.0	1.1	9.0			6.0			6.5			7.2	7.1	Khá
18	21.01.14.039	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30/09/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.7	0.0	5.0			7.5			9.0			7.2	7.5	Khá
19	21.01.14.040	Chung Phước Tường	Vân	10/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	12.5	5.0			5.5			6.0			5.5	6.2	Trung bình khá
20	21.01.14.065	Phùng Ngọc	Sum	24/07/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	1.1	6.5			5.0			5.0			5.5	6.2	Trung bình khá
21	21.01.14.091	Huỳnh Thanh	Trúc	06/09/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	8.0	6.0			5.5			7.0			6.2	6.5	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
22	21.01.14.108	Huỳnh Văn	Chừng	10/05/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.7	4.5	6.0			5.0			6.5			5.8	6.3	Trung bình khá
23	21.01.14.115	Ngô Thị Anh	Thuy	20/09/1994	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	3.4	5.5			6.5			8.5			6.8	6.8	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 23 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	17	73.91%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	6	26.09%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Điều dưỡng
Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học — Chuyên ngành: Điều dưỡng trung cấp
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Điều dưỡng trung cấp 21A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	20113106	Đinh Thị Tố	Diễn	18/06/1983	Tân An, Long An	7.2	0.0	8.5			0.0			6.5			5.0	6.1	Không đạt
2	21.01.14.037	Nguyễn Tuấn	Trung	04/08/1995	Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	6.6	5.7	3.0	2.0		5.0			7.5			5.2	5.9	Không đạt
3	21.01.14.109	Phạm Nguyễn Hồng	Phúc	15/09/1994	Gò Công, Tiền Giang	6.7	13.5	M			4.0			7.0			5.5	6.1	Không đạt
4	21.01.14.119	Đoàn Thanh	Trúc	28/09/1990	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.3	0.0	M			0.0			0.0			0.0	3.7	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 4 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Điều dưỡng

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học — Chuyên ngành: Điều dưỡng trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Điều dưỡng trung cấp 21B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.01.14.047	Trần Thị Cẩm	Giang	24/02/1996	Tân Phước, Tiền Giang	6.8	4.7	5.5			6.0			7.0			6.2	6.5	Trung bình khá
2	21.01.14.048	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	04/05/1995	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	0.0	8.0			7.0			7.0			7.3	7.3	Khá
3	21.01.14.052	Nguyễn Thị Duy	Khương	12/02/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	0.0	6.5			7.0			6.5			6.7	6.9	Trung bình khá
4	21.01.14.055	Tô Thị Cẩm	Ly	25/05/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.6	14.1	6.0			5.0			7.5			6.2	6.4	Trung bình khá
5	21.01.14.057	Thái Thị Kim	Ngân	19/10/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	15.3	5.0			5.5			6.0			5.5	6.0	Trung bình khá
6	21.01.14.058	Mai Hữu	Nguyên	21/08/1986	Châu Thành, Tiền Giang	7.7	0.0	M			7.0			9.0			8.0	7.9	Khá
7	21.01.14.059	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	19/08/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	3.4	5.0			6.0			6.5			5.8	6.3	Trung bình khá
8	21.01.14.060	Nguyễn Hồng	Nhung	09/11/1993	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	0.0	5.0			5.5			7.5			6.0	6.5	Trung bình khá
9	21.01.14.061	Cao Thị Kiều	Oanh	23/01/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.2	3.5	9.0			6.5			6.5			7.3	7.3	Khá
10	21.01.14.062	Lê Thị Mỹ	Phượng	24/07/1993	Giồng Trôm, Bến Tre	6.9	1.2	5.0			6.0			5.5			5.5	6.2	Trung bình khá
11	21.01.14.067	Phan Hiệp	Thành	13/07/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	3.4	8.5			6.0			7.5			7.3	7.2	Khá
12	21.01.14.068	Trần Thị	Thảo	01/06/1995	Thạch Hà, Hà Tĩnh	6.8	9.1	6.5			6.0			5.0			5.8	6.3	Trung bình khá
13	21.01.14.069	Lê Quang	Thiện	12/09/1996	Gò Công, Tiền Giang	6.8	17.0	6.5			6.0			5.5			6.0	6.4	Trung bình khá
14	21.01.14.071	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	14/01/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.2	2.4	9.0			7.0			7.0			7.7	7.5	Khá
15	21.01.14.072	Trần Thị Thanh	Thúy	21/05/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	0.0	8.0			5.5			7.0			6.8	6.8	Trung bình khá
16	21.01.14.073	Đặng Thị Mỹ	Tiên	11/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	4.5	6.0			5.5			7.5			6.3	6.6	Trung bình khá
17	21.01.14.076	Nguyễn Lê Kim	Trúc	16/06/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	15.3	5.5			5.0			7.0			5.8	6.4	Trung bình khá
18	21.01.14.079	Trần Thị Thảo	Uyên	10/11/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.7	4.5	5.5			5.5			6.5			5.8	6.3	Trung bình khá
19	21.01.14.080	Cao Thị Tường	Vi	08/12/1989	Tuy An, Phú Yên	7.7	0.0	5.0			8.0			9.0			7.3	7.5	Khá
20	21.01.14.081	Trần Nguyễn Thanh	Vy	10/03/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	13.6	4.0	5.5		5.0			6.5			5.7	6.3	Trung bình khá
21	21.01.14.093	Nguyễn Thị Huế	Hương	24/08/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.6	6.8	3.5	8.0		5.5			6.0			6.5	6.6	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
22	21.01.14.100	Nguyễn Lê	Tài	14/09/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	12.5	3.0	7.5		5.0		.	8.0			6.8	6.8	Trung bình khá
23	21.01.14.103	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/08/1996	Châu Thành, Long An	6.6	10.2	3.0	7.5		5.5			7.0			6.7	6.7	Trung bình khá
24	21.01.14.104	Nguyễn Thị Thu	Trinh	30/12/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	6.8	5.0			5.5			6.0			5.5	6.2	Trung bình khá
25	21.01.14.111	Trần Trọng	Nghĩa	19/06/1994	Tân Phước, Tiền Giang	7.0	8.0	3.0	7.0		5.5			8.0			6.8	6.9	Trung bình khá
26	21.01.14.118	Trần Lệ	Xuân	21/12/1996	Ba Tri, Bến Tre	6.6	2.3	1.0	5.0		6.5		-	7.0			6.2	6.4	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 26 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	20	76.92%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	6	23.08%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Điều dưỡng
Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học — Chuyên ngành: Điều dưỡng trung cấp
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Điều dưỡng trung cấp 21B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.01.14.096	Trần Duy Diễm	Phúc	18/04/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	9.1	6.0			4.5			6.0			5.5	6.0	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học

Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.005	Nguyễn Quốc	Cường	29/03/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.2	2.2	7.5			5.0			6.5			6.3	6.3	Trung bình khá
2	21.03.14.006	Giảng Thị Ngọc	Diễm	10/05/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.2	8.9	6.0			6.5			6.0			6.2	6.2	Trung bình khá
3	21.03.14.007	Đặng Thị Thùy	Dung	18/07/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.3	1.1	7.0			7.5			7.0			7.2	7.3	Khá
4	21.03.14.008	Hồ Thị Trúc	Duyên	27/07/1989	Châu Thành, Tiền Giang	6.6	6.3	6.0			5.5			5.5			5.7	6.2	Trung bình khá
5	21.03.14.014	Hồ Thị	Hương	24/11/1992	Cai Lậy, Tiền Giang	7.3	0.0	M			7.0			7.5			7.3	7.3	Khá
6	21.03.14.018	Nguyễn Thị Kim	Loan	12/11/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	0.0	6.0			6.0			6.5			6.2	6.6	Trung bình khá
7	21.03.14.020	Lê Thị Huyền	My	30/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.5	8.9	6.0			6.0			7.5			6.5	6.5	Trung bình khá
8	21.03.14.027	Huỳnh Hoàng	Phúc	10/11/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	1.4	M			5.5			6.0			5.8	6.5	Trung bình khá
9	21.03.14.028	Ngô Kim	Phương	19/08/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	2.2	7.0			6.5			6.5			6.7	6.8	Trung bình khá
10	21.03.14.029	Nguyễn Hoàng Diễm	Phương	19/08/1993	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.7	0.0	6.5			7.5			8.0			7.3	7.5	Khá
11	21.03.14.036	Huỳnh Thanh	Thanh	29/06/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	4.4	6.5			6.0			5.5			6.0	6.4	Trung bình khá
12	21.03.14.041	Đặng Thị Ngọc	Thúy	10/04/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	0.0	M			6.5			7.5			7.0	7.1	Khá
13	21.03.14.049	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	03/04/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.5	6.7	5.0			7.0			6.0			6.0	6.3	Trung bình khá
14	21.03.14.053	Đinh Nhật Tường	Vân	02/11/1985	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.6	0.0	5.0			7.0			7.0			6.3	7.0	Khá
15	21.03.14.056	Bùi Văn	Xuyên	30/08/1992	Châu Thành, Tiền Giang	6.8	2.2	6.5			6.0			6.0			6.2	6.5	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
16	21.03.14.057	Võ Hoàng	Yến	15/06/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	13.3	7.5			5.0			7.5			6.7	6.6	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 16 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	11	68.75%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	5	31.25%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học
Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.010	Lê Thị Thanh	Hằng	08/10/1995	Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng tàu	6.2	17.8	5.0			4.5			6.0			5.2	5.7	Không đạt
2	21.03.14.024	Lâm Hữu	Nhân	29/12/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.3	9.2	M			4.0			6.5			5.3	5,8	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 2 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 Ngành ĐT: Dược học

Khoa: Dược Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.058	Nguyễn Thị Thúy	An	24/06/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	0.0	8.0			6.5			7.0			7.2	7.2	Khá
2	21.03.14.069	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	30/11/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	0.0	M			7.0			7.0			7.0	7.2	Khá
3	21.03.14.071	Nguyễn Huỳnh	Hương	21/12/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	2.2	8.0			5.0			7.5			6.8	7.0	Khá
4	21.03.14.072	Nguyễn Thị Diệu	Hương	01/04/1990	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	0.0	M			6.5			7.0			6.8	6.8	Trung bình khá
5	21.03.14.074	Huỳnh Thị Yến	Kiều	10/08/1990	Cái Bè, Tiền Giang	7.5	0.0	M			7.5			7.0			7.3	7.4	Khá
6	21.03.14.075	Mai Thị Thùy	Linh	18/07/1995	Mỏ Cày, Bến Tre	6.8	0.0	3.0	5.5		5.5			6.5			5.8	6.3	Trung bình khá
7	21.03.14.080	Phạm Thị Tuyết	Ngân	01/01/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.7	0.0	5.0			6.0			7.0			6.0	6.4	Trung bình khá
8	21.03.14.083	Trần Huỳnh Yến	Như	30/05/1993	Cái Bè, Tiền Giang	7.5	0.0	M			8.5			9.0			8.8	8.2	Giỏi
9	21.03.14.084	Trần Thị Huỳnh	Như	19/10/1995	Cái Bè, Tiền Giang	7.2	0.0	6.5			7.0			7.5			7.0	7.1	Khá
10	21.03.14.086	Nguyễn Hữu	Phúc	12/02/1993	Cái Bè, Tiền Giang	6.2	14.4	8.0			5.5			5.5			6.3	6.3	Trung bình khá
11	21.03.14.087	Nguyễn Minh	Phương	12/03/1992	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	23.2	8.5			5.5			6.0			6.7	6.6	Trung bình khá
12	21.03.14.088	Nguyễn Thị Bích	Phượng	15/12/1992	Đạ Teh, Lâm Đồng	7.7	0.0	M			7.0			9.0			8.0	7.9	Khá
13	21.03.14.094	Võ Thị Thanh	Thảo	11/08/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.3	0.0	3.0	8.0		7.0			7.0			7.3	7.3	Khá
14	21.03.14.104	Võ Thị Thùy	Trang	31/12/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.2	0.0	M			6.5			6.5			6.5	6.9	Trung bình khá
15	21.03.14.108	Nguyễn Thanh	Tùng	29/11/1992	Gò Công, Tiền Giang	6.4	6.7	M			5.5			5.5			5.5	6.0	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
16	21.03.14.110	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1993	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.2	10.0	8.0			5.0			6.0			6.3	6.3	Trung bình khá
17	21.03.14.111	Lê Văn	Xưa	25/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	11.1	5.0			5.0			6.0			5.3	6.0	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 17 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	9	52.94%
Giỏi	1	5.88%	TB	0	0.00%
Khá	7	41.18%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học
Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.076	Mạt Ái	Linh	25/07/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	2.2	5.5			4.0			3.0			4.2	5.6	Không đạt
2	21.03.14.078	Huỳnh Thị Lệ	Mi	20/09/1994	Càng Long, Trà Vinh	6.1	18.9	8.0			4.5			6.5			6.3	6.2	Không đạt
3	21.03.14.096	Nguyễn Thị Hồng	Thu	26/09/1985	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	11.1	8.0			5.5			4.5			6.0	6.5	Không đạt
4	21.03.14.097	Công Thị Hoài	Thương	07/08/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.2	4.4	5.5			4.0			6.0			5.2	5.7	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 4 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học

Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21C

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.114	Nguyễn Thị Kim	Anh	11/11/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	4.4	9.5			7.0			7.5			8.0	7.6	Khá
2	21.03.14.115	Phạm Kiều	Châm	07/06/1989	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.6	0.0	9.0			5.0			6.5			6.8	6.7	Trung bình khá
3	21.03.14.119	Lê Tuấn	Giàu	11/03/1994	Châu Thành, Bến Tre	6.7	16.7	M			5.0			7.0			6.0	6.4	Trung bình khá
4	21.03.14.120	Huỳnh Trường	Hải	06/05/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.2	12.2	8.5			5.5			7.0			7.0	6.6	Trung bình khá
5	21.03.14.122	Võ Thị Minh	Huệ	11/08/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	4.4	9.0			5.5			7.0			7.2	7.0	Khá
6	21.03.14.123	Lê Thị Thanh	Huyền	11/04/1995	Châu Thành, Bến Tre	6.6	3.3	8.0			5.5			6.5			6.7	6.7	Trung bình khá
7	21.03.14.124	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/10/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	3.3	5.0			5.0			7.5			5.8	6.2	Trung bình khá
8	21.03.14.125	Nguyễn Bảo An	Khương	22/04/1994	Tỉnh Tiền Giang	6.7	0.0	M			5.5			5.5			5.5	6.1	Trung bình khá
9	21.03.14.126	Phan Thị	Liễu	01/05/1989	Thạnh Phú, Bến Tre	7.7	0.0	M			6.5			8.0			7.3	7.5	Khá
10	21.03.14.129	Phan Thúy	Minh	13/02/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.1	7.8	2.5	6.0		5.0			5.0			5.3	5.7	Trung bình
11	21.03.14.134	Phan Thị	Nhẫn	16/08/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	7.8	0.0	8.5			7.5			7.0			7.7	7.8	Khá
12	21.03.14.137	Nguyễn Ngọc Yến	Phi	29/11/1991	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	1.1	5.0			5.5			7.0			5.8	6.5	Trung bình khá
13	21.03.14.140	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	09/03/1989	Gò Công Đông, Tiền Giang	7.2	7.1	M			5.5			8.0			6.8	7.0	Khá
14	21.03.14.147	Phan Thị Diễm	Thanh	07/12/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.4	1.1	7.0			6.0			7.5			6.8	6.6	Trung bình khá
15	21.03.14.148	Lê Thị Bích	Thảo	18/09/1984	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.7	1.3	M			5.5			6.5			6.0	6.9	Trung bình khá
16	21.03.14.149	Diệp Thị Cẩm	Thi	28/07/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.1	10.0	5.5			5.0			5.5			5.3	5.7	Trung bình
17	21.03.14.155	Mai Thị Thảo	Trâm	25/10/1989	Càng Long, Trà Vinh	7.5	0.0	9.0			6.5			7.0			7.5	7.5	Khá
18	21.03.14.160	Trần Thị Ngọc	Trinh	02/06/1992	Châu Thành, Tiền Giang	6.8	4.6	5.0			6.0			7.0			6.0	6.4	Trung bình khá
19	21.03.14.161	Trần Minh	Trúc	14/04/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.2	20.0	8.5			5.0			6.5			6.7	6.5	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
20	21.03.14.162	Nguyễn Hồng	Tú	18/10/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.6	1.1	5.5			5.0			7.5			6.0	6.3	Trung bình khá
21	21.03.14.163	Đặng Thị Cẩm	Tuyên	04/10/1993	Bình Đại, Bến Tre	8.3	0.0	M			8.0			7.0			7.5	7.9	Khá
22	21.03.14.164	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	18/12/1988	Cai Lậy, Tiền Giang	7.4	0.0	7.5			6.5			8.0			7.3	7.4	Khá
23	21.03.14.165	Trương Thị Thanh	Tuyền	06/08/1988	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.5	1.2	M			7.5			8.0			7.8	7.7	Khá
24	21.03.14.166	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	16/04/1996	Cái Bè, Tiền Giang	7.1	3.4	5.5			6.0			7.5			6.3	6.7	Trung bình khá
25	21.03.14.167	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	13/03/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.7	3.3	9.0			5.5			6.5			7.0	6.9	Trung bình khá
26	21.03.14.168	Nguyễn Thị Kiều	Yến	30/10/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	3.3	6.5			5.0			6.0			5.8	6.2	Trung bình khá
27	21.03.14.190	Nguyễn Danh	Nhân	19/12/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.2	40.0	5.0			5.5			6.0			5.5	5.9	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: 27 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	15	55.56%
Giỏi	0	0.00%	TB	3	11.11%
Khá	9	33.33%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học

Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21D

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.170	Phòng Ngọc Kim	Anh	28/05/1996	Ô Môn, Cần Thơ	6.4	30.0	5.0			5.0			5.0			5.0	5.7	Trung bình
2	21.03.14.173	Nguyễn Hoàng	Duy	18/06/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.9	6.9	7.5			6.5			6.5			6.8	6.9	Trung bình khá
3	21.03.14.177	Nguyễn Đình	Hiếu	13/11/1991	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.4	6.7	7.0			5.0			7.0			6.3	6.4	Trung bình khá
4	21.03.14.180	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	00/00/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.1	0.0	M			6.0			7.5			6.8	7.0	Khá
5	21.03.14.189	Trương Kim	Ngọc	01/07/1996	Tiểu Cần, Trà Vinh	6.2	20.0	5.0			5.0			5.5			5.2	5.7	Trung bình
6	21.03.14.195	Nguyễn Tấn	Phong	24/04/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.3	13.3	5.0			5.0			6.0			5.3	5.8	Trung bình
7	21.03.14.199	Nguyễn Văn	Quân	30/07/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.7	8.9	9.0			5.5			8.0			7.5	7.1	Khá
8	21.03.14.204	Lê Thị Như	Thảo	28/09/1996	Tiểu Cần, Trà Vinh	7.0	0.0	9.5			7.5			7.0			8.0	7.5	Khá
9	21.03.14.205	Nguyễn Thị Yến	Thơ	18/09/1993	Châu Thành, Bến Tre	6.6	17.8	3.5	6.5		5.0			5.5			5.7	6.2	Trung bình khá
10	21.03.14.207	Huỳnh Thị Anh	Thư	31/10/1993	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	6.7	5.0			5.0			5.5			5.2	6.0	Trung bình khá
11	21.03.14.208	Đồng Thị	Thúy	24/04/1996	Ba Tri, Bến Tre	6.9	6.7	7.0			5.5			6.5			6.3	6.6	Trung bình khá
12	21.03.14.209	Đào Thị Kim	Thủy	24/07/1992	Gò Công, Tiền Giang	7.4	0.0	8.5			6.0			6.5			7.0	7.2	Khá
13	21.03.14.212	Lê Thị Huyền	Trân	23/09/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	3.4	9.0			5.0			6.0			6.7	6.8	Trung bình khá
14	21.03.14.213	Hồ Thị Thùy	Trang	27/01/1990	Mỏ Cày, Bến Tre	8.4	0.0	M			8.5			8.5			8.5	8.5	Giỏi
15	21.03.14.214	Phạm Thị	Trang	21/02/1992	Tây Hòa, Phú Yên	7.3	1.4	5.5			6.0			8.0			6.5	6.9	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
16	21.03.14.223	Nguyễn Đức Thúy	Vy	22/10/1991	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.5	2.5	3.5	7.0		5.5			6.5			6.3	6.9	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 16 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	8	50.00%
Giỏi	1	6.25%	TB	3	18.75%
Khá	4	25.00%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học
Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21D

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.172	Trần Văn	Dẹn	15/10/1992	Thanh Bình, Đồng Tháp	6.2	21.8	6.0			4.0			6.5			5.5	5.9	Không đạt
2	21.03.14.175	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	16/05/1995	Cai Lậy Tiền Giang	6.7	9.2	7.0			4.5			6.5			6.0	6.4	Không đạt
3	21.03.14.176	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	26/05/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	5.6	5.0			4.5			5.5			5.0	5.9	Không đạt
4	21.03.14.192	Nguyễn Hồ Anh	Nhật	21/09/1996	Tân Phước, Tiền Giang	6.3	13.3	3.5	6.0		4.5			5.5			5.3	5.8	Không đạt
5	21.03.14.193	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	25/04/1996	Tiểu Cần, Trà Vinh	6.5	1.1	5.0			4.5			7.0			5.5	6.0	Không đạt
6	21.03.14.198	Nguyễn Ngọc	Phượng	15/02/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	11.1	6.0			4.5			7.0			5.8	6.3	Không đạt
7	21.03.14.201	Hồ Tấn	Tài	02/09/1994	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.0	24.4	3.5	6.0		4.0			5.5			5.2	5.6	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 7 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học

Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21E

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.228	Nguyễn Lưu Cẩm	Châu	14/10/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.8	0.0	9.0			8.0			8.5			8.5	8.2	Giỏi
2	21.03.14.238	Nguyễn Thị	Liễu	10/04/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	14.4	1.5	8.5		6.0			7.0			7.2	7.1	Khá
3	21.03.14.239	Mai Phương	Linh	20/01/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	3.3	5.0			6.0			6.5			5.8	6.2	Trung bình khá
4	21.03.14.243	Nguyễn Lê Ngọc	Ngoan	18/02/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.1	34.4	8.0			5.0			6.5			6.5	6.3	Trung bình khá
5	21.03.14.254	Lê Thị Thảo	Quyên	02/03/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.1	7.8	2.5	7.0		5.5			5.5			6.0	6.1	Trung bình khá
6	21.03.14.255	Lê Thị Thúy	Quỳnh	12/12/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.4	14.4	7.0			5.5			8.0			6.8	6.6	Trung bình khá
7	21.03.14.261	Đinh Thị Mộng	Tiệp	24/12/1992	Cái Bè, Tiền Giang	7.1	0.0	M			7.0			7.5			7.3	7.2	Khá
8	21.03.14.262	Ngô Đắc Phương	Trinh	18/04/1982	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	0.0	5.0			8.0			7.5			6.8	7.0	Khá
9	21.03.14.263	Mai Cẩm	Tú	12/09/1991	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.2	23.3	8.0			5.5			6.5			6.7	6.5	Trung bình khá
10	21.03.14.264	Lê Nguyễn Hải	Yến	31/10/1991	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.7	10.0	8.5			6.0			8.0			7.5	7.1	Khá

Tổng cộng danh sách này có: 10 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	5	50.00%
Giỏi	1	10.00%	TB	0	0.00%
Khá	4	40.00%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học

Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21F

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.269	Nguyễn Thị Tuyết	Hiếu	13/01/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	13.3	5.0			5.0			5.5			5.2	5.9	Trung bình
2	21.03.14.274	Phạm Thị Minh	Khánh	16/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	7.8	8.0			6.0			6.5			6.8	6.8	Trung bình khá
3	21.03.14.277	Võ Tầng	Ngọc	18/11/1982	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	8.6	M			5.5			6.5			6.0	6.5	Trung bình khá
4	21.03.14.280	Phan Thị Quỳnh	Như	06/12/1996	Gò Công , Tiền Giang	6.3	23.3	5.0			5.5			7.5			6.0	6.2	Trung bình khá
5	21.03.14.282	Phan Thị Diễm	Quỳnh	11/01/1995	Châu Thành, Tiền Giang	7.5	0.0	9.0			7.0			8.0			8.0	7.8	Khá
6	21.03.14.283	Trần Quan	Sang	01/09/1996	Tân Phước, Tiền Giang	8.0	0.0	9.0			9.0			9.0			9.0	8.5	Giỏi
7	21.03.14.284	Phan Thị	Tám	19/12/1993	Cái Bè, Tiền Giang	6.6	6.7	8.0			6.0			6.5			6.8	6.7	Trung bình khá
8	21.03.14.285	Trương Minh	Tân	24/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.4	13.3	6.0			6.0			6.0			6.0	6.2	Trung bình khá
9	21.03.14.290	Trần Thị Huyền	Trân	01/07/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	4.4	7.5			6.0			7.5			7.0	6.9	Trung bình khá
10	21.03.14.291	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/01/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	11.1	5.0			5.0			6.5			5.5	6.0	Trung bình khá
11	21.03.14.294	Tạ Thị Kim	Trúc	03/11/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.1	8.9	3.0	5.0		5.0			6.0			5.3	5.7	Trung bình
12	21.03.14.299	Huỳnh Thúy	Vy	13/06/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.4	14.4	5.0			5.0			6.5			5.5	6.0	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 12 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	8	66.67%
Giỏi	1	8.33%	TB	2	16.67%
Khá	1	8.33%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
  + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
  + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
  + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 205/QĐ-CĐYT, ngày 13 tháng 9 năm 2016, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016 — Ngành ĐT: Dược học
Khoa: Dược — Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp
Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy — Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21F

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.287	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19/09/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.2	14.4	5.5			4.5			5.5			5.2	5.7	Không đạt
2	21.03.14.289	Phạm Hồ Bảo	Trân	29/08/1995	Tiền Giang	6.2	13.3	8.5			4.5			4.0			5.7	6.0	Không đạt
3	21.03.14.295	Phan Thị Cẩm	Tú	20/10/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.4	2.2	2.0	5.0		4.5			6.5			5.3	5.9	Không đạt
4	21.03.14.298	Trần Thị Thanh	Tuyền	07/11/1996	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	15.6	3.5	5.5		4.5			6.0			5.3	6.0	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 4 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 09 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ